

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ĐIỀU LỆ TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

(sửa đổi, bổ sung lần 1 bản Điều lệ ngày 22/04/2026)

Tên

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2026

25/

- Căn cứ Nghị quyết số: 21/2026/NQ-HĐQT-VINGROUP của Hội đồng quản trị ngày 29/06/2026 phê duyệt phương án chào bán cổ phiếu để chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi cổ tức và có quyền chuyển đổi năm 2018 của Tập đoàn Vingroup và các công việc liên quan.

Bản Điều lệ này sửa đổi, bổ sung Điều 7.1 và Phụ lục 02 trong bản Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Vingroup được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Tập đoàn Vingroup được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi ghi nhận việc tăng vốn điều lệ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7.1 Điều lệ như sau:

“Điều 7. Vốn Điều Lệ

7.1 Vốn Điều Lệ của Tập đoàn: 77.621.864.290.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi một tỷ, tám trăm sáu mươi tư triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).

Tổng số Vốn Điều Lệ của Tập đoàn được chia thành: 7.762.186.429 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần, trong đó

- Cổ phần phổ thông: 7.762.186.429 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Thông tin chi tiết về Vốn Điều Lệ của Tập đoàn được cập nhật tại Phụ lục 2 kèm Điều Lệ này. Tập đoàn có thể thay đổi Vốn Điều Lệ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm và phù hợp với quy định của Pháp Luật”.

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 2 Điều lệ như sau:

PHỤ LỤC 2

Chi tiết về Vốn Điều Lệ Tập đoàn

Stt	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VNĐ)	Ghi chú
1.	03/05/2002	196.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD lần đầu, số 0103001016 ngày 03/05/2002
2.	04/03/2003	251.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ nhất, số 0103001016 ngày 04/03/2003
3.	15/08/2005	250.749.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 6, số 0103001016 ngày 15/08/2005
4.	25/12/2006	313.500.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 10, số 0103001016 ngày 25/12/2006
5.	15/02/2007	600.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 11, số 0103001016 ngày 15/02/2007

6.	22/6/2007	800.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 13, số 0103001016 ngày 22/6/2007
7.	09/4/2008	1.199.831.560.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 15, số 0103001016 ngày 09/4/2008
8.	2/10/2009	1.996.272.380.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 17, số 0103001016 ngày 02/10/2009
9.	12/5/2010	3.599.279.120.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 18, số 0101245486 ngày 12/5/2010
10.	19/7/2010	3.643.329.490.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 19, số 0101245486 ngày 19/7/2010
11.	02/8/2010	3.669.614.480.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 20, số 0101245486 ngày 02/8/2010
12.	10/8/2010	3.672.743.640.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 21, số 0101245486 ngày 10/8/2010
13.	25/8/2010	3.682.131.130.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 22, số 0101245486 ngày 25/8/2010
14.	07/12/2010	3.686.824.880.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 23, số 0101245486 ngày 07/12/2010
15.	28/12/2010	3.709.667.790.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 24, số 0101245486 ngày 28/12/2010
16.	31/12/2010	3.726.252.370.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 25, số 0101245486 ngày 31/12/2010
17.	14/01/2011	3.734.388.190.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 26, số 0101245486 ngày 14/01/2011
18.	19/01/2011	3.795.094.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 27, số 0101245486 ngày 19/01/2011
19.	25/01/2011	3.813.868.990.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 28, số 0101245486 ngày 25/01/2011
20.	02/3/2011	3.815.433.570.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 29, số 0101245486 ngày 02/3/2011
21.	07/4/2011	3.821.066.060.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 31, số 0101245486 ngày 07/4/2011
22.	25/4/2011	3.827.324.390.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 32, số 0101245486 ngày 25/4/2011
23.	05/5/2011	3.833.582.720.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 33, số 0101245486 ngày 05/5/2011

24.	12/5/2011	3.880.520.210.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 34, số 0101245486 ngày 12/5/2011
25.	23/5/2011	3.895.540.200.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 35, số 0101245486 ngày 23/5/2011
26.	01/6/2011	3.895.853.110.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 36, số 0101245486 ngày 01/6/2011
27.	10/6/2011	3.911.498.930.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 37, số 0101245486 ngày 10/6/2011
28.	13/01/2012	5.493.833.050.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 38, số 0101245486 ngày 13/01/2012
29.	19/6/2012	7.004.620.550.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 40, số 0101245486 ngày 19/6/2012
30.	05/02/2013	9.281.102.150.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 43, số 0101245486 ngày 05/02/2013
31.	19/3/2013	9.281.450.480.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 44, số 0101245486 ngày 19/3/2013
32.	10/5/2013	9.282.843.810.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 45, số 0101245486 ngày 10/5/2013
33.	06/6/2013	9.284.585.470.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 46, số 0101245486 ngày 06/6/2013
34.	01/7/2013	9.286.327.130.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 47, số 0101245486 ngày 01/7/2013
35.	29/7/2013	9.288.068.790.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 48, số 0101245486 ngày 29/7/2013
36.	20/12/2013	9.296.036.790.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 49, số 0101245486 ngày 20/12/2013
37.	19/02/2014	9.296.385.120.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 51, số 0101245486 ngày 19/02/2014
38.	18/9/2014	14.033.233.140.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 53, số 0101245486 ngày 18/9/2014
39.	17/10/2014	14.299.574.100.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 54, số 0101245486 ngày 17/10/2014
40.	18/11/2014	14.545.550.980.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 55, số 0101245486 ngày 18/11/2014
41.	21/05/2015	14.587.886.850.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 56, số 0101245486 ngày 21/5/2015

42.	20/7/2015	18.415.574.490.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 57, số 0101245486 ngày 20/7/2015
43.	27/8/2015	18.460.745.440.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 58, số 0101245486 ngày 27/8/2015
44.	23/12/2015	18.681.880.870.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 59, số 0101245486 ngày 23/12/2015
45.	18/3/2016	19.398.548.510.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 60, số 0101245486 ngày 18/3/2016
46.	02/8/2016	21.532.347.920.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 61, số 0101245486 ngày 02/8/2016
47.	01/11/2016	26.377.079.540.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 62, số 0101245486 ngày 01/11/2016
48.	18/7/2018	31.916.212.300.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 65, số 0101245486 ngày 18/7/2018
49.	29/08/2018	32.756.212.300.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 66, số 0101245486 ngày 29/08/2018
50.	10/06/2019	34.299.353.890.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 67, số 0101245486 ngày 10/06/2019
51.	18/12/2019	34.309.140.220.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 68, số 0101245486 ngày 18/12/2019
52.	31/01/2020	34.447.690.560.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 69, số 0101245486 ngày 31/01/2020
53.	10/09/2021	38.675.532.570.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 70, số 0101245486 ngày 10/09/2021
54.	16/02/2022	38.688.573.060.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 71, số 0101245486 ngày 16/02/2022
55.	09/01/2024	38.785.833.060.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 73, số 0101245486 ngày 09/01/2024
56.	28/08/2025	38.804.763.840.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 74, số 0101245486 ngày 28/08/2025
57.	23/12/2025	77.334.918.960.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 76, số 0101245486 ngày 23/12/2025
58.	15/07/2026	77.621.864.290.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 77, số 0101245486 ngày 15/07/2026

Phụ lục được sửa đổi thống nhất với các điều khoản còn lại của Điều lệ Tập đoàn Vingroup. Các điều khoản khác của Điều lệ Tập đoàn Vingroup vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành và không thay đổi.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VIỆT QUANG



A handwritten signature in blue ink, located at the bottom right of the page.